

# **Bài 1: PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG**

## **1. Khái niệm pháp luật**

### **a) Pháp luật là gì?**

**\* PL là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước.**

### **b) Các đặc trưng của pháp luật**

**\* Tính qui phạm phổ biến vì: PL là những quy tắc xử sự chung, áp dụng với tất cả mọi người**, trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. (khác các quy phạm xã hội khác- đạo đức xã hội).

**Vd:** Luật hôn nhân và gia đình quy định các điều kiện kết hôn...các điều kiện này áp dụng cho tất cả mọi người, không ngoại lệ. Những trường hợp vi phạm dù chỉ một trong các điều kiện trên đều là kết hôn trái pháp luật.

**\* Tính quyền lực, bắt buộc chung:**

Pháp luật do nhà nước ban hành, bảo đảm thực hiện, **bắt buộc mọi tổ chức, cá nhân, bất kỳ ai cũng phải thực hiện**, bất kỳ ai vi phạm cũng đều bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật (Là điểm khác đạo đức).

**Vd:**

- Vi phạm luật giao thông đường bộ sẽ bị xử lý.
- Xây nhà trái phép bị tháo dỡ.

**\* Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức vì:**

- Hình thức thể hiện của PL là các văn bản quy phạm PL.

- **Văn bản diễn đạt chính xác, dễ hiểu.**

- **Văn bản đều được quy định chặt chẽ trong Hiến pháp và luật**

**Vd:** Hiến pháp 1992 quy định nguyên tắc “nhà nước và xã hội không thừa nhận việc phân biệt đối xử giữa các con” điều 64 phù hợp với Hiến pháp và Luật hôn nhân gia đình năm 2000 khẳng định quy tắc chung “cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con”. Điều 34 và nhiều quy định cụ thể để đảm bảo con trai và con gái, con đẻ và con nuôi, con chung và con riêng của vợ hoặc chồng đều bình đẳng trong việc được chăm sóc, được dạy dỗ, đồng thời cũng bình đẳng trong nghĩa vụ

## **2. Bản chất của pháp luật**

PL vừa mang bản chất giai cấp, vừa mang bản chất xã hội.

**a) Bản chất giai cấp của pháp luật**

- **PL do Nhà nước ban hành phù hợp với ý chí nguyên vọng của giai cấp cầm quyền mà nhà nước là đại diện.**

**b) Bản chất xã hội của pháp luật**

- PL mang bản chất xã hội vì:

+ **Các quy phạm PL bắt nguồn từ thực tiễn đời sống xã hội; do thực tiễn cuộc sống đòi hỏi.**

+ **PL không chỉ phản ánh ý chí của giai cấp thống trị mà còn phản ánh nhu cầu, lợi ích của các giai cấp và các tầng lớp dân cư khác nhau trong xã hội.**

+ Các QPPL được thực hiện trong thực tiễn đời sống xã hội, vì sự phát triển của xã hội.

**3. Mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế, chính trị, đạo đức.**

**a) Quan hệ giữa pháp luật với kinh tế**

- Đọc thêm

**b) Quan hệ giữa pháp luật với chính trị**

- Đọc thêm

**c) Quan hệ giữa pháp luật với đạo đức**

+ Trong hàng loạt QPPL luôn thể hiện các quan niệm về đạo đức có tính phổ biến, phù hợp với sự phát triển và tiến bộ xã hội, nhất là PL trong các lĩnh vực dân sự, hôn nhân và gia đình, văn hóa, xã hội, giáo dục.

+ **PL là một phương tiện đặc thù để thể hiện và bảo vệ các giá trị đạo đức.**

+ **Những giá trị cơ bản nhất của PL – công bằng, bình đẳng, tự do, lẽ phải cũng là những giá trị đạo đức cao cả mà con người luôn hướng tới.**

**4. Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.**

**a) Pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lý xã hội**

- **Không có PL, xã hội sẽ không có trật tự, ổn định, không thể tồn tại và phát triển được.**

- Nhờ có PL, nhà nước phát huy được quyền lực của mình và kiểm tra, kiểm soát được các hoạt động của mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan trong phạm vi lãnh thổ.

- Quản lý bằng PL sẽ đảm bảo tính dân chủ, công bằng, phù hợp với lợi ích chung của các giai cấp và tầng lớp xã hội khác nhau, tạo được sự đồng thuận trong xã hội đối với việc thực hiện PL.

- PL do nhà nước ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội một cách thống nhất và được đảm bảo bằng sức mạnh quyền lực nhà nước nên hiệu lực thi hành cao.

- Nhà nước ban PL và tổ chức thực hiện PL trên phạm vi toàn xã hội, đưa PL vào đời sống của từng người dân và toàn xã hội.

**b) Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.**

- Quyền và nghĩa vụ của công dân được quy định trong các văn bản QPPL, trong đó quy định rõ công dân được phép làm gì. Căn cứ vào các quy định này, công dân thực hiện quyền của mình.

- Các văn bản PLPL về hành chính, khiếu nại và tố cáo, hình sự, tố tụng quy định thẩm quyền, nội dung, hình thức, thủ tục giải quyết các tranh chấp, khiếu nại và xử lý các vi phạm PL xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Căn cứ vào các quy định này, công dân bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

**\* Kể từ 1945 đến nay nước ta đã có 5 bản Hiến pháp, cụ thể là:**

**Hiến pháp 1946**

**Hiến pháp 1959**

**Hiến pháp 1980**

**Hiến pháp 1992**

**Hiến pháp 2013**

## **Bài 2: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT**

### **1. Khái niệm, các hình thức**

#### **a. Khái niệm thực hiện pháp luật**

**Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức.**

#### **b. Các hình thức thực hiện pháp luật**

**Bảng phân biệt sự giống nhau và khác nhau giữa các hình thức thực hiện PL**

|                | <b>Sử dụng PL</b>                 | <b>Thi hành PL</b>         | <b>Tuân thủ PL</b>             | <b>Áp dụng PL</b>                                 |
|----------------|-----------------------------------|----------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------|
| <b>Chủ thể</b> | Cá nhân, tổ chức                  | Cá nhân, tổ chức           | Cá nhân, tổ chức               | Cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền         |
| <b>Phạm vi</b> | Làm những gì pháp luật <u>cho</u> | Làm những gì pháp luật quy | <u>Không làm những gì pháp</u> | <u>Căn cứ vào thẩm quyền và quy định của pháp</u> |

|                                | <b><u>phép.</u></b>                                                                                       | <b><u>định phải làm.</u></b>                                 | <b><u>luật cấm.</u></b>                                                          | <b><u>luật ban hành các quyết định</u></b> cụ thể hoặc ra quyết định xử lý người vi phạm pháp luật hoặc giải quyết tranh chấp giữa các cá nhân, tổ chức. |
|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Yêu cầu đối với chủ thể</b> | Có thể làm hoặc không làm, không bị ép buộc.                                                              | Phải làm, nếu không sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. | Không được làm, nếu không sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.               | Bắt buộc tuân theo các thủ tục, trình tự chặt chẽ do pháp luật quy định.                                                                                 |
| <b>Ví dụ</b>                   | Cá nhân, tổ chức có quyền lựa chọn những hình thức, loại hình kinh doanh phù hợp với khả năng, điều kiện. | Cá nhân, tổ chức kinh doanh thì phải nộp thuế.               | Cá nhân, tổ chức kinh doanh không được buôn bán những mặt hàng mà pháp luật cấm. | Cơ quan có thẩm quyền áp dụng xử phạt đúng quy trình, thủ tục,... với những cá nhân, tổ chức kinh doanh vi phạm pháp luật.                               |

## 2. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý

### a) Vi phạm pháp luật

- **Thứ nhất, là hành vi trái pháp luật :**

- **Hành vi trái pháp luật có thể là hành động hoặc không hành động.**

+ Hành vi đó có thể là hành động: cá nhân, tổ chức làm những việc không được làm theo quy định của pháp luật.

+ Hành vi trái pháp luật có thể là không hành động: cá nhân, tổ chức không làm những việc phải làm theo quy định của pháp luật.

- Hành vi trái pháp luật đó xâm phạm, gây thiệt hại cho những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

- **Thứ hai, do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện**

**Năng lực trách nhiệm pháp lý của một người phụ thuộc vào độ tuổi và tình trạng sức khỏe – tâm lý. Người có năng lực trách nhiệm pháp lý phải là:**

+ **Người đã đạt một độ tuổi nhất định theo quy định pháp luật.** Ví dụ: Theo quy định của pháp luật, người đủ từ 16 tuổi trở lên có đủ năng lực trách nhiệm pháp lý hành chính và hình sự.

+ **Người có thể nhận thức, điều khiển được hành vi của mình, tự quyết định cách xử sự của mình (không bị bệnh về tâm lý làm mất hoặc hạn chế khả năng nhận thức về hành vi của mình).**

- **Thứ ba, người vi phạm pháp luật phải có lỗi.**

Lỗi được hiểu là trạng thái tâm lý phản ánh thái độ tiêu cực của chủ thể đối với hành vi trái pháp luật của mình đối với hậu quả của hành vi đó.

Lỗi được thể hiện dưới hai hình thức: lỗi cố ý và lỗi vô ý

=> **Kết luận:**

*Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.*

## **b. Trách nhiệm pháp lý**

- **Trách nhiệm pháp lý là nghĩa vụ mà các cá nhân, tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình.**

- **Trách nhiệm pháp lý được áp dụng nhằm:**

Chủ thể vi phạm pháp luật xâm hại đến các quan hệ xã hội mà pháp luật bảo vệ, vì thế, nhà nước thông qua pháp luật buộc chủ thể vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lý về hành vi vi phạm của mình.

+ **Buộc chủ thể vi phạm pháp luật chấm dứt hành vi trái pháp luật.**

+ **Giáo dục, răn đe những người khác để họ tránh, hoặc kiềm chế những việc làm trái pháp luật**

**\* Hành vi trái pháp luật có phải là vi phạm pháp luật không? tại sao cho ví dụ minh họa?**

- Hành vi trái pháp luật là hành vi được thực hiện trái với những quy định của pháp luật. Như không làm những việc mà pháp luật yêu cầu, làm những việc mà pháp luật cấm, quá phạm vi cho phép của pháp luật.

- Vi phạm pháp luật là: có những dấu hiệu cơ bản sau:

+ Trái pháp luật.

+ Có lỗi của chủ thể (vô ý, cố ý).

+ Chủ thể thực hiện hành vi có năng lực trách nhiệm pháp lý.

***Từ các lý luận trên, ta có thể rút ra là:***

- **Có những hành vi trái pháp luật nhưng không bị coi là vi phạm pháp luật.**

VD:

## **2c. Các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý:**

1. **Vi phạm hình sự** là những **hành vi nguy hiểm cho xã hội** bị coi là tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự.

Người phạm tội phải chịu *trách nhiệm hình sự*, phải chấp hành hình phạt theo quy định của Tòa án. Chế tài trách nhiệm: Nghiêm khắc nhất

+ Người từ đủ **14 tuổi** đến dưới **16 tuổi** phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

+ Người từ đủ **16 tuổi trở lên** phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm .

2. **Vi phạm hành chính** là hành vi vi phạm pháp luật có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn tội phạm, **xâm phạm các quy tắc quản lý nhà nước** .

Người vi phạm phải chịu *trách nhiệm hành chính* theo quy định của pháp luật. Chế tài trách nhiệm Phạt tiền, cảnh cáo, khôi phục hiện trạng ban đầu, thu giữ tang vật, phương tiện ... dùng để vi phạm .

+ Người từ đủ **14 tuổi** đến dưới **16 tuổi** bị xử phạt hành chính về vi phạm hành chính do cố ý.

+ Người từ đủ **16 tuổi trở lên** bị xử phạt hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra.

3. **Vi phạm dân sự** là hành vi vi phạm pháp luật , **xâm phạm tới các quan hệ tài sản** (quan hệ sở hữu, quan hệ hợp đồng...) **và quan hệ nhân thân** (liên quan đến các quyền nhân thân, không thể chuyển giao cho người khác.

Người có hành vi vi phạm dân sự phải chịu *trách nhiệm dân sự*. Bồi thường thiệt hại, thực hiện nghĩa vụ dân sự theo đúng thỏa thuận giữa các bên tham gia.

- Người từ đủ **6 tuổi** đến chưa đủ **18 tuổi** khi xác lập, thực hiện giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý, trừ giao dịch nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phù hợp với lứa tuổi hoặc pháp luật có quy định khác.

- Trong trường hợp người từ đủ **15 tuổi** đến chưa đủ **18 tuổi** có tài sản riêng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thì có thể tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự mà không cần phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác (trừ giao dịch động sản và bất động sản).

4. **Vi phạm kỉ luật** là vi phạm pháp luật **liên quan đến kỉ luật lao động và công vụ nhà nước** trước các cơ quan, trường học, doanh nghiệp.

Người vi phạm kỉ luật phải *chịu trách nhiệm kỉ luật* với các hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, chuyển công tác khác, buộc thôi việc...

Bộ luật hình sự năm [1999](#) quy định: Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi được quy định trong Bộ luật này, tội phạm được phân thành tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

+ **Tội phạm ít nghiêm trọng** là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến ba năm tù;

+ **Tội phạm nghiêm trọng** là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến bảy năm tù;

+ **Tội phạm rất nghiêm trọng** là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù;

+ **Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng** là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên mười lăm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

#### **\* Các loại vi phạm thường gặp**

##### **+ Hình sự:**

**Điều 140 Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**

**Điều 194 Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy**

**Điều 104. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác**

**Điều 267. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức**

##### **+ Hành chính:**

- Kinh doanh không đúng ngành, nghề, địa điểm ghi trong giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;

- Bán hàng ăn, uống, hàng giải khát quá giờ quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác cho người thi hành công vụ để trốn tránh việc xử lý vi phạm hành chính.

- Điều khiển phương tiện vượt quá tốc độ gây tai nạn

- Đi vào đường cấm, khu vực cấm; đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”, trừ trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định;

### **Bài 3**

## **CÔNG DÂN BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT**

**Khái niệm bình đẳng trước pháp luật:** *Bình đẳng trước pháp luật có nghĩa là mọi công dân, nam, nữ thuộc các dân tộc, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội khác nhau đều không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định pháp luật .*

### **1. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ**

*Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật . **Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.***

- Một là : Bất kì công dân nào, nếu đáp ứng các quy định của pháp luật đều được hưởng các quyền công dân. Ngoài việc hưởng quyền, công dân còn phải thực hiện nghĩa vụ một cách bình đẳng. Các quyền được hưởng như quyền bầu cử, ứng cử, quyền sở hữu, quyền thừa kế, các quyền tự do cơ bản và các quyền dân sự, chính trị khác...Các nghĩa vụ phải thực hiện như nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nghĩa vụ đóng thuế,...

- Hai là : Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần, địa vị xã hội .

### **2/Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý**

***Bình đẳng về trách nhiệm pháp lý là bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và bị xử lý theo quy định của pháp luật .***

- Công dân dù ở địa vị nào, làm nghề gì khi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lý (trách nhiệm hành chính, dân sự, hình sự, kỉ luật).

- **Khi công dân vi phạm pháp luật với tính chất và mức độ như nhau đều phải chịu trách nhiệm pháp lý như nhau , không phân biệt đối xử.**

**3/ Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật .**

- **Quyền và nghĩa vụ của công dân được Nhà nước quy định trong Hiến pháp và luật.**

- Nhà nước và xã hội có trách nhiệm cùng tạo ra các điều kiện vật chất, tinh thần để bảo đảm cho công dân có khả năng thực hiện được quyền và nghĩa vụ phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.

## **Bài 4**

### **QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI**

#### **I. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình**

##### **1. Thế nào là bình đẳng trong hôn nhân và gia đình**

*Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình được hiểu là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng và giữa các thành viên trong gia đình trên cơ sở nguyên tắc dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử trong các mối quan hệ ở phạm vi gia đình và xã hội.*

##### **2. Nội dung bình đẳng trong hôn nhân và gia đình**

###### **a. Bình đẳng giữa vợ và chồng**

- Trong quan hệ nhân thân: Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc lựa chọn nơi cư trú; tôn trọng và giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau; giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.

- Trong quan hệ tài sản: Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, thể hiện ở các quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt...

###### **b. Bình đẳng giữa các thành viên của gia đình**

###### **\* Bình đẳng giữa cha mẹ và con**

- Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con; cùng nhau thương yêu, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con,...

- Cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con, ngược đãi, hành hạ, xúc phạm con (kể cả con nuôi); không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên; không xúi giục, ép buộc con làm những việc trái PL, trái đạo đức xã hội.

- Con có bổn phận yêu quý, kính trọng, chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ. Con không được có hành vi ngược đãi, hành hạ, xúc phạm cha mẹ.

###### **\* Bình đẳng giữa ông bà và cháu**

Được thể hiện qua nghĩa vụ và quyền giữa ông bà nội, ông bà ngoại và các cháu. Đó là mối quan hệ hai chiều: nghĩa vụ và quyền của ông bà nội, ông bà ngoại đối với cháu và bổn phận của cháu đối với ông bà nội, ông bà ngoại.

**\* Bình đẳng giữa anh, chị, em**

Anh, chị, em có bổn phận thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ và quyền đùm bọc, nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

## **II. Bình đẳng trong lao động**

### **1. Thế nào là bình đẳng trong lao động?**

*Bình đẳng trong lao động được hiểu là bình đẳng giữa mọi công dân trong thực hiện quyền lao động thông qua việc tìm việc làm, bình đẳng giữa người sử dụng lao động và người lao động thông qua hợp đồng lao động, bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ trong từng cơ quan, doanh nghiệp và trong phạm vi cả nước.*

### **2. Nội dung cơ bản của bình đẳng trong lao động**

**\* Công dân bình đẳng trong thực hiện quyền lao động**

- Mọi người đều có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm và nghề nghiệp phù hợp với khả năng của mình, không bị phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, nguồn gốc gia đình, thành phần kinh tế.

**\* Công dân bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động**

- Trong quan hệ lao động cụ thể, quyền bình đẳng của công dân được thực hiện thông qua **hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động** về việc làm có trả công, điều kiện lao động.

- Việc giao kết hợp đồng lao động phải tuân theo nguyên tắc:

- + Tự do, tự nguyện, bình đẳng;
- + Không trái pháp luật và thỏa ước lao động tập thể;
- + Giao kết trực tiếp giữa người lao động với người sử dụng lao động.

**\* Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ**

Lao động nam và lao động nữ được bình đẳng về cơ hội tiếp cận việc làm; bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng; được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện việc làm khác.

## **III. Bình đẳng trong kinh doanh**

### **1. Thế nào là bình đẳng trong kinh doanh?**

*Bình đẳng trong kinh doanh có nghĩa là mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ kinh tế, từ việc lựa chọn ngành, nghề, địa điểm kinh doanh, lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh, đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh đều bình đẳng theo quy định của pháp luật.*

## **2. Nội dung quyền bình đẳng trong kinh doanh**

**- Mọi công dân, không phân biệt, nếu có đủ điều kiện đều có quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh theo điều kiện và khả năng của mình.**

- Mọi doanh nghiệp đều có quyền tự chủ đăng ký kinh doanh trong nghề mà pháp luật không cấm khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Mọi loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần KT khác nhau đều được bình đẳng trong việc khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.

- Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về quyền tự chủ kinh doanh để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

- Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về nghĩa vụ, trong quá trình hoạt động kinh doanh.

## **Bài 5**

# **QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO**

## **1. Bình đẳng giữa các dân tộc**

### **a. Thế nào là bình đẳng giữa các dân tộc?**

**Dân tộc:** được hiểu theo các nghĩa khác nhau. Trong chủ đề này, **dân tộc được hiểu theo nghĩa là một bộ phận dân cư của quốc gia**; ví dụ: dân tộc Kinh, dân tộc Mường, dân tộc Dao,... ở nước ta

***Quyền bình đẳng giữa các DT được hiểu là các DT trong một quốc gia không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ văn hóa cao hay thấp, không phân biệt chủng tộc, màu da...đều được NN và PL tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển.***

### **b. Nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc**

✳ **Các dân tộc ở Việt Nam đều được bình đẳng về chính trị**

Các dân tộc đều có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội (tham gia vào bộ máy nhà nước, tham gia thảo luận, góp ý các vấn đề chung của cả nước). **Quyền này được thực hiện theo hai hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp.**

✳ **Các dân tộc ở Việt Nam đều bình đẳng về kinh tế**

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc thể hiện ở chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, không có sự phân biệt giữa các dân tộc đa số và thiểu số. **Nhà nước luôn quan tâm hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế để rút ngắn khoảng cách, tạo điều kiện cho các dân tộc thiểu số có cơ hội vươn lên phát triển về kinh tế.**

✱ **Các dân tộc ở Việt Nam đều bình đẳng về văn hóa, giáo dục**

**Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình. Những phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của từng dân tộc được giữ gìn, khôi phục, phát huy.**

Công dân thuộc các dân tộc khác nhau ở Việt Nam đều được Nhà nước tạo mọi điều kiện để được bình đẳng về cơ hội học tập.

### **c. Ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các dân tộc**

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở của đoàn kết giữa các dân tộc và đại đoàn kết dân tộc, nhằm mục tiêu xây dựng đất nước văn minh, giàu đẹp. Không có bình đẳng thì không có đoàn kết thực sự.

**Góp phần thực hiện mục tiêu: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.**

## **2. Nội dung quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.**

### **a. Khái niệm bình đẳng giữa các tôn giáo**

**Tôn giáo:** Là một hình thức tín ngưỡng có tổ chức, với những quan niệm, giáo lý thể hiện sự tín ngưỡng và những hình thức lễ nghi thể hiện sự sùng bái tín ngưỡng ấy.

**Tín ngưỡng:** là niềm tin tuyệt đối, không chứng minh vào sự tồn tại thực tế của những bản chất siêu nhiên (thần thánh).

*Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được thể hiện là các tôn giáo ở Việt Nam đều có quyền hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ của pháp luật; đều bình đẳng trước pháp luật; những nơi thờ tự tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật **bảo hộ**.*

### **b. Nội dung quyền bình đẳng giữa các tôn giáo**

✱ ***Các tôn giáo được Nhà nước công nhận đều bình đẳng trước pháp luật, có quyền hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật.***

Công dân thuộc các tôn giáo khác nhau, người có tôn giáo hoặc không có tôn giáo đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ công dân, không phân biệt đối xử vì lý do tôn giáo. Công dân có tôn giáo hoặc không có tôn giáo, cũng như công dân có tôn giáo khác nhau phải tôn trọng lẫn nhau.

✱ ***Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật được Nhà nước bảo đảm; các cơ sở tôn giáo hợp pháp được pháp luật bảo hộ.***

Các tôn giáo ở Việt Nam dù lớn hay nhỏ đều được Nhà nước đối xử bình đẳng như nhau và được tự do hoạt động trong khuôn khổ pháp luật.

**c. Ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các tôn giáo**

Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo là cơ sở, tiền đề quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thúc đẩy tình đoàn kết keo sơn gắn bó nhân dân Việt Nam, tạo thành sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc ta trong công cuộc xây dựng đất nước.

## **Bài 6**

### **CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN**

**1/Các quyền tự do cơ bản của công dân**

**Đối với mỗi công dân, quyền bất khả xâm phạm về thân thể là quyền quan trọng nhất được ghi nhận tại điều 20 Hiến pháp 2013**

**a)Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân**

**\* Khái niệm:**

Không ai bị bắt, nếu không có quyết định của tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang.

**\* Nội dung : (Việc bắt, giam, giữ người không quá 12 giờ)**

Không một ai, dù ở cương vị nào có quyền tự ý bắt và giam, giữ người vì những lí do không chính đáng hoặc do nghi ngờ không có căn cứ.

Theo quy định của pháp luật, chỉ được bắt người trong ba trường hợp sau đây, nhưng phải theo đúng trình tự và thủ tục mà pháp luật quy định:

**TH1:** Viện Kiểm sát, Tòa án trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật có quyền ra lệnh bắt bị can, bị cáo để tạm giam (khi có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội). (Bị can: là người bị khởi tố về hình sự. Bị cáo: là người đã bị Tòa án quyết định đưa ra xét xử).

**TH2:** Bắt người trong TH khẩn cấp được tiến hành khi thuộc một trong ba căn cứ theo quy định của pháp luật và chỉ có những người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật mới có quyền ra lệnh bắt :

+ Khi có căn cứ để cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

- + Khi có người chính mắt trông thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm và xét thấy cần bắt ngay để người đó không trốn được.
- + Khi thấy ở người hoặc tại chỗ ở của một người nào đó có dấu vết của tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn.

**TH3: Bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã**

Đối với người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã thì bất kì ai cũng có quyền bắt và giải ngay đến cơ quan Công an, Viện kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất

## **b) Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân**

### **\*Khái niệm:**

Công dân có quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, được bảo vệ danh dự và nhân phẩm; không ai được xâm phạm tới tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của người khác.

### **\*Nội dung:**

**Thứ nhất: Không ai được xâm phạm tới tính mạng, sức khỏe của người khác.**

- Không ai được đánh người; đặc biệt nghiêm cấm những hành vi hung hãn, côn đồ, đánh người gây thương tích, làm tổn hại cho sức khỏe của người khác.
- Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến tính mạng của người khác như giết người, đe dọa giết người, làm chết người.

**Thứ hai: Không ai được xâm phạm tới danh dự và nhân phẩm của người khác.**

- Không bịa đặt điều xấu, tung tin xấu, nói xấu, xúc phạm người khác để hạ uy tín và gây thiệt hại về danh dự cho người đó.

## **c) Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân**

\* **Khái niệm:** chỗ ở của công dân được nhà nước và mọi người tôn trọng, **không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý. Chỉ trong trường hợp được pháp luật cho phép và phải có lệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới được khám xét chỗ ở của một người.** Trong trường hợp này thì việc khám xét không được tiến hành tùy tiện mà phải tuân theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

### **\*Nội dung:**

Về nguyên tắc, không ai được tự tiện vào chỗ ở của người khác. Tuy nhiên, pháp luật cho phép khám xét chỗ ở của công dân trong các trường hợp sau:

- **Trường hợp thứ nhất**, khi có căn cứ để khẳng định chỗ ở, địa điểm của người nào đó có công cụ, phương tiện (ví dụ: gậy gộc, dao, búa, rìu, súng,...) để thực hiện tội phạm hoặc có đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án.

- **Trường hợp thứ hai**, việc khám chỗ ở, địa điểm của người nào đó được tiến hành khi cần bắt người đang bị truy nã hoặc người phạm tội đang lẩn tránh ở đó.

**d) Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín**

*Không ai được tự tiện bóc mở, thu giữ, tiêu hủy thư, điện tín của người khác; những người làm nhiệm vụ chuyển thư, điện tín phải chuyển đến tay người nhận, không được giao nhầm cho người khác, không được để mất thư, điện tín của nhân dân.*

Chỉ có những người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và chỉ trong những trường hợp cần thiết mới được tiến hành kiểm soát thư, điện thoại, điện tín của người khác.

Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín là điều kiện cần thiết để bảo đảm đời sống riêng tư của mỗi cá nhân trong xã hội. Trên cơ sở quyền này, công dân có một đời sống tinh thần thoải mái mà không ai được tùy tiện xâm phạm tới.

**e) Quyền tự do ngôn luận**

*Công dân có quyền tự do phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm của mình về các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước.*

**Có nhiều hình thức và phạm vi để thực hiện quyền này:**

- **Sử dụng quyền này tại các cuộc họp ở các cơ quan, trường học, tổ dân phố,...** bằng cách trực tiếp phát biểu ý kiến nhằm xây dựng cơ quan, trường học, địa phương mình.

- **Viết bài gửi đăng báo, trong đó bày tỏ ý kiến, quan điểm của mình về chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước;** về xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh; về ủng hộ cái đúng, cái tốt, phê phán và phản đối cái sai, cái xấu trong đời sống xã hội.

- **Đóng góp ý kiến, kiến nghị với các đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân** trong dịp đại biểu tiếp xúc với cử tri cơ sở, hoặc công dân có thể viết thư cho đại biểu Quốc hội trình bày, đề đạt nguyện vọng.

**2/Trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc bảo đảm và thực hiện các quyền tự do cơ bản của công dân**

**a) Trách nhiệm của Nhà nước**

- Xây dựng và ban hành một hệ thống pháp luật, bao gồm Hiến pháp, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng Hình sự,... trong đó có các quy định về quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước bảo đảm cho công dân được hưởng đầy đủ các quyền tự do cơ bản mà Hiến pháp và luật quy định.

- Tổ chức và xây dựng bộ máy các cơ quan bảo vệ pháp luật, bao gồm Tòa án, Viện kiểm soát, Công an,... thực hiện chức năng điều tra, kiểm sát, xét xử để bảo vệ các quyền tự do cơ bản, bảo vệ cuộc sống yên lành của mọi người dân.

## **b) Trách nhiệm của công dân**

- Phải học tập, tìm hiểu để nắm được nội dung các quyền tự do cơ bản của mình.
- Có trách nhiệm phê phán, đấu tranh, tố cáo những việc làm trái pháp luật, vi phạm quyền tự do cơ bản của công dân.
- Tích cực tham gia giúp đỡ các cán bộ nhà nước thi hành quyết định bắt người, khám người trong những trường hợp được pháp luật cho phép
- Tự rèn luyện, nâng cao ý thức pháp luật để sống văn minh, tôn trọng PL, tự giác tuân thủ pháp luật của Nhà nước, tôn trọng quyền tự do cơ bản của người khác.

## **Bài 7**

### **CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN DÂN CHỦ**

#### **1/ Quyền bầu cử và quyền ứng cử các cơ quan đại biểu của nhân dân**

##### **a) Khái niệm quyền bầu cử và ứng cử**

*Quyền bầu cử và ứng cử là các quyền dân chủ cơ bản của công dân trong lĩnh vực chính trị, thông qua đó, nhân dân thực thi hình thức dân chủ gián tiếp ở từng địa phương và trong phạm vi cả nước.*

##### **b) Nội dung quyền bầu cử và ứng cử vào các cơ quan đại biểu của nhân dân**

**\* Người có quyền bầu cử và ứng cử vào cơ quan đại biểu của nhân dân:**

Mọi công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử vào Quốc Hội, Hội đồng nhân dân.

- **Những trường hợp không được thực hiện quyền bầu cử gồm:** người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; **người đang phải chấp hành hình phạt tù; người mất năng lực hành vi dân sự;...**

- Những trường hợp không được thực hiện quyền ứng cử: Những người thuộc diện không được thực hiện quyền bầu cử; người đang bị khởi tố về hình sự ; người đang phải chấp hành bản án, quyết định của tòa án; người đã chấp hành xong bản án, quyết định của tòa án nhưng chưa được xóa án ; người đang chấp hành quyết định xử lý hành chính về giáo dục hoặc đang bị quản chế hành chính.

**\*Cách thức hiện quyền bầu cử và ứng cử của công dân**

- **Quyền bầu cử của công dân thực hiện theo các nguyên tắc: bầu cử phổ thông, bình đẳng , trực tiếp và bỏ phiếu kín.**

- **Quyền ứng cử của công dân được thực hiện theo hai con đường: tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử.**

***\*Cách thức nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thông qua các đại biểu và cơ quan quyền lực nhà nước- cơ quan đại biểu của nhân dân:***

-Thứ nhất các đại biểu nhân dân phải liên hệ chặt chẽ với các cử tri.

-Thứ hai, các đại biểu nhân dân chịu trách nhiệm trước nhân dân và chịu sự giám sát của cử tri.

***\* Ý nghĩa của quyền bầu cử và ứng cử của công dân***

- Là cơ sở pháp lý-chính trị quan trọng để hình thành các cơ quan quyền lực nhà nước, để nhân dân thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình.

- Thể hiện bản chất dân chủ, tiến bộ của Nhà nước ta.

## **2/ Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội**

### ***a) Khái niệm về quyền tham gia quản lý đất nước và xã hội***

*Quyền tham gia quản lý đất nước và xã hội là quyền của công dân tham gia thảo luận vào các công việc chung của đất nước trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, **trong phạm vi của cả nước và trong địa phương**; quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước về xây dựng bộ máy nhà nước và phát triển kinh tế xã hội.*

### ***b) Nội dung cơ bản của quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội***

**\*Ở phạm vi cả nước:**

- **Tham gia thảo luận, góp ý kiến xây dựng các văn bản pháp luật.**

- Thảo luận và biểu quyết các vấn đề trọng đại khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân.

**\* Ở phạm vi cơ sở:**

- **Trực tiếp thực hiện theo cơ chế “Dân biết, dân bàn, dân làm , dân kiểm tra”:**

- Những việc phải được thông báo để dân biết mà thực hiện (chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước...).

- Những việc dân làm và quyết định trực tiếp bằng biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín
- Những việc dân được thảo luận, tham gia đóng góp ý kiến trước khi chính quyền xã quyết định.
- Những việc nhân dân ở phường, xã giám sát, kiểm tra.

### **c) Ý nghĩa của quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội**

Là cơ sở pháp lý quan trọng để nhân dân tham gia vào hoạt động của bộ máy Nhà nước, nhằm động viên và phát huy sức mạnh của toàn dân, của toàn xã hội về việc xây dựng bộ máy nhà nước vững mạnh và hoạt động có hiệu quả.

## **3/ Quyền khiếu nại, tố cáo của công dân**

### **a) Khái niệm quyền khiếu nại, tố cáo của công dân**

**Quyền khiếu nại, tố cáo** là quyền dân chủ cơ bản của công dân được quy định trong hiến pháp, **là công cụ để nhân dân thực hiện dân chủ trực tiếp** trong những trường hợp cần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức bị hành vi trái pháp luật xâm hại.

- **Quyền khiếu nại** là **quyền công dân, cơ quan, tổ chức được đề nghị** cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng hành vi đó trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích của công dân.

- **Quyền tố cáo** là **quyền công dân được phép báo cho** cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về hành vi vi phạm PL của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

### **b) Nội dung quyền khiếu nại, tố cáo của công dân.**

#### **\* Người có quyền khiếu nại, tố cáo:**

**Người khiếu nại** : mọi cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại.

**Người tố cáo** : Chỉ có công dân có quyền tố cáo.

#### **\* Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo**

-**Người giải quyết khiếu nại**: Người đứng đầu cơ quan hành chính có quyết định, hành vi hành chính bị khiếu nại; người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan hành chính có quyết định, hành vi hành chính bị khiếu nại; Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Tổng Thanh tra Chính phủ, thủ tướng chính phủ.

**-Người giải quyết tố cáo :** Người đứng đầu cơ quan tổ chức có thẩm quyền quản lý người bị tố cáo, người đứng đầu cơ quan tổ chức cấp trên của cơ quan, tổ chức người bị tố cáo; Chánh Thanh tra các cấp, Tổng Thanh tra Chính phủ , Thủ tướng Chính phủ.

Nếu hành vi bị tố cáo có dấu hiệu tội phạm thì do các cơ quan tố tụng giải quyết

**\* Quy trình khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo**

*\*Quy trình khiếu nại và giải quyết khiếu nại:*

- **Bước 1:** Người khiếu nại nộp đơn khiếu nại đến các cơ quan , tổ chức , cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại

- **Bước 2 :** Người giải quyết khiếu nại xem xét giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền và trong thời gian do luật quy định.

- **Bước 3 :** Nếu người khiếu nại đồng ý với kết quả giải quyết thì quyết định của người giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành.

Nếu người khiếu nại không đồng ý thì họ có quyền lựa chọn một trong hai cách: hoặc tiếp tục khiếu nại lên người đứng đầu cơ quan hành chính cấp trên, hoặc kiện ra Tòa Hành chính thuộc Tòa án nhân dân giải quyết .

- **Bước 4 :** Người giải quyết khiếu nại lần hai xem xét, giải quyết yêu cầu của người khiếu nại.

Nếu người khiếu nại vẫn không đồng ý với quyết định giải quyết lần hai thì trong thời gian do luật quy định , có quyền khởi kiện ra Tòa hành chính thuộc Tòa án nhân dân.

**\*Quy trình tố cáo và giải quyết tố cáo gồm các bước sau:**

- **Bước 1 :** Người tố cáo gửi đơn tố cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

- **Bước 2 :** Người giải quyết tố cáo phải tiến hành việc xác minh và giải quyết nội dung tố cáo.

- **Bước 3 :** Nếu người tố cáo có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo không đúng pháp luật hoặc quá thời gian quy định mà tố cáo không được giải quyết thì người tố cáo có quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của người giải quyết tố cáo.

- **Bước 4 :** Cơ quan tổ chức, cá nhân giải quyết tố cáo lần hai có trách nhiệm giải quyết trong thời gian luật quy định.

**c) Ý nghĩa của quyền tố cáo, khiếu nại của công dân**

Là cơ sở pháp lý để công dân thực hiện một cách có hiệu quả quyền công dân của mình trong một xã hội dân chủ, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, ngăn chặn những việc làm trái pháp luật, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tổ chức và công dân.

#### **4/ Trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc thực hiện các quyền dân chủ của công dân**

##### ***a) Trách nhiệm của Nhà nước***

- Quốc hội ban hành Hiến pháp và các luật làm cơ sở pháp lí vững chắc cho sự hình thành chế độ dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp.
- Chính phủ và chính quyền các cấp tổ chức thi hành HP và PL.
- Tòa án và các cơ quan tư pháp phát hiện kịp thời và xử lí nghiêm minh những vi phạm pháp luật.

##### ***b) Trách nhiệm của công dân***

Thực hiện quyền dân chủ tức là thực thi quyền của người làm chủ nhà nước và xã hội. Muốn làm một người chủ tốt thì trước tiên cần có ý thức đầy đủ về trách nhiệm làm chủ.

## NGUYÊN TẮC BẦU CỬ

### 1.1 PHỔ THÔNG



Không phân biệt giới tính, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp



Đủ 18 tuổi đều có quyền tham gia bầu cử



Đủ 21 tuổi đều có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội

### 1.2 BÌNH ĐẲNG



Khách quan, không thiên vị



Mỗi công dân chỉ ghi tên vào 1 danh sách cử tri



Chỉ ghi tên ứng cử ở một đơn vị bầu cử



Giá trị phiếu bầu như nhau



Phân bố hợp lý cơ cấu thành phần, số lượng ứng viên

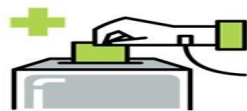
### 1.3 TRỰC TIẾP



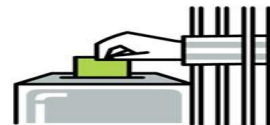
Cử tri trực tiếp bầu cử, tự bỏ phiếu



Cử tri khuyết tật phải tự mình bỏ phiếu



Cử tri ốm đau, già yếu, khuyết tật bỏ phiếu ở thùng phiếu phụ ngay tại chỗ ở, chỗ điều trị



Người bị tạm giam, cải tạo có khu vực bỏ phiếu riêng

### 1.4 BỎ PHIẾU KÍN



Cử tri bỏ phiếu mà không bị tác động bởi điều kiện, yếu tố bên ngoài



Cử tri bầu ai, không bầu ai được giữ bí mật



Cử tri viết phiếu bầu trong khu vực riêng, không ai được đến gần



Không ai được biết và can thiệp vào việc viết phiếu bầu



Cử tri tự mình bỏ phiếu vào hòm phiếu

## **Bài 8**

# **PHÁP LUẬT VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG DÂN**

### **1/Quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân**

#### **a) Quyền học tập của công dân**

*Mọi công dân đều có quyền học từ thấp đến cao, có thể học bất cứ ngành, nghề nào, có thể học bằng nhiều hình thức và có thể học thường xuyên, học suốt đời.*

*\*Quyền học tập của công dân còn có nghĩa là mọi công dân đều được đối xử bình đẳng về cơ hội học tập.*

#### **b) Quyền sáng tạo của công dân**

*- Quyền của mỗi người được tự do nghiên cứu khoa học, tự do tìm tòi, suy nghĩ để đưa ra các phát minh, sáng chế, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất; quyền về sáng tác văn học, nghệ thuật, khám phá khoa học để tạo ra các sản phẩm, công trình khoa học về các lĩnh vực đời sống xã hội.*

*- Quyền sáng tạo của công dân bao gồm quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và hoạt động khoa học, công nghệ.*

#### **c) Quyền được phát triển của công dân**

*Quyền được phát triển là quyền của công dân được sống trong môi trường xã hội và tự nhiên có lợi cho sự tồn tại và phát triển về thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức; có mức sống đầy đủ về vật chất; được học tập, nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí, tham gia các hoạt động văn hóa; được cung cấp thông tin và chăm sóc sức khỏe; được khuyến khích, bồi dưỡng để phát triển tài năng.*

**Quyền được phát triển của công dân được biểu hiện ở hai nội dung:**

**Một là, quyền của công dân được hưởng đời sống vật chất và tinh thần đầy đủ để phát triển toàn diện.**

**Hai là, công dân có quyền được khuyến khích, bồi dưỡng để phát triển tài năng.**

### **2/ Ý nghĩa quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân**

Quyền học tập, sáng tạo và phát triển là quyền cơ bản của công dân, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội ta, là cơ sở, điều kiện cần thiết để con người được phát triển toàn diện, trở thành những công dân tốt, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

**3/ Trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc bảo đảm và thực hiện quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân**

**a) Trách nhiệm của nhà nước**

- **Ban hành chính sách, pháp luật, thực hiện đồng bộ các biện pháp cần thiết để các quyền này thực sự đi vào đời sống của mỗi người dân.** Các quyền này của công dân và các biện pháp bảo đảm thực hiện của Nhà nước được quy định trong *Hiến pháp, Luật Giáo dục, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em* và trong nhiều văn bản PL khác của Nhà nước.

- *Nhà nước thực hiện công bằng XH trong giáo dục.*

- *Nhà nước khuyến khích, phát huy sự tìm tòi, sáng tạo trong nghiên cứu KH.*

- *Nhà nước bảo đảm những điều kiện để phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.*

**b) Trách nhiệm của công dân**

- **Có ý thức học tập tốt** để trở thành người có ích trong cuộc sống.

- **Có ý chí vươn lên**, luôn chịu khó tìm tòi và phát huy tính sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất để tạo ra nhiều sản phẩm vật chất và tinh thần cần thiết cho xã hội.

## **Bài 9: PHÁP LUẬT VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA ĐẤT NƯỚC**

**1/Vai trò của pháp luật đối với sự phát triển bền vững của đất nước**

**Đọc thêm**

**2/ Một số nội dung cơ bản của pháp luật trong sự phát triển bền vững của đất nước**

**a) Nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển kinh tế**

**\* Quyền tự do kinh doanh của công dân**

**Quyền tự do kinh doanh được qui định trong Hiến pháp và các luật về kinh doanh.**

*Tự do kinh doanh có nghĩa là mọi công dân khi có đủ điều kiện do pháp luật quy định đều có quyền tiến hành hoạt động kinh doanh sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp nhận đăng kí kinh doanh.*

\*Kinh doanh bao gồm ba loại hoạt động:

-**Hoạt động SX** là hoạt động quan trọng nhất của con người.

- **Hoạt động tiêu thụ sản phẩm** là hoạt động thương mại nhằm thực hiện lưu thông hàng hóa từ người sản xuất đến người tiêu dùng.

**-Hoạt động dịch vụ** là hoạt động phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của con người.

✳ **Nghĩa vụ của công dân khi thực hiện các hoạt động kinh doanh**

**1. Kinh doanh đúng ngành, nghề ghi trong giấy phép kinh doanh và những ngành, nghề mà pháp luật không cấm;**

**2. Nộp thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật;**

**3. Bảo vệ môi trường;**

**4. Tuân thủ các quy định về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội v.v...**

**b) Nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển về văn hóa**

Pháp luật về sự phát triển văn hóa Việt Nam được quy định trong *Hiến pháp, Bộ luật Dân sự, Luật Di sản văn hóa, Luật Xuất bản, Luật Báo chí*, v.v... Đó là hệ thống quy định của pháp luật về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; nguyên tắc quản lý nhà nước về văn hóa...

***-Quyền và trách nhiệm của Nhà nước***

Mọi di sản VH ở trong lòng đất thuộc đất liền, hải đảo, ở vùng nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền KT và thềm lục địa của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đều thuộc sở hữu toàn dân.

***- Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với di sản văn hóa :***

Mọi di sản VH ở trong lòng đất thuộc đất liền, hải đảo, ở vùng nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền KT và thềm lục địa của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đều thuộc sở hữu toàn dân

**c) Nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển các lĩnh vực xã hội**

Pháp luật khuyến khích các cơ sở kinh doanh *tạo ra nhiều việc làm mới*.

Pháp luật quy định, Nhà nước sử dụng các biện pháp KT - tài chính để *thực hiện xóa đói, giảm nghèo*.

*-Luật Hôn nhân và gia đình và Pháp lệnh Dân số* đã quy định công dân có nghĩa vụ thực hiện kế hoạch hóa gia đình; xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững;...

*-Luật Bảo vệ, Chăm sóc sức khỏe nhân dân* quy định các biện pháp giảm tỉ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ và bảo đảm phát triển giống nòi.

*-Luật Phòng, chống ma túy, Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm* quy định về phòng, chống tội phạm, ngăn chặn và bài trừ các tệ nạn xã hội, nhất là nạn mại dâm, ma túy; ngăn chặn, đẩy lùi đại dịch HIV/AIDS,...

**d/ Nội dung cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường.**

-Bảo vệ môi trường và TNTN là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

-Nhà nước đã ban hành một hệ thống các văn bản luật...

-Bảo vệ môi trường phải gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế xã hội.

-Pháp luật nghiêm cấm các hành vi phá hoại, khai thác trái phép TNTN.

-Mọi hành vi xâm hại đến MT-TNTN đều bị xử lý nghiêm khắc theo qui định của pháp luật.

-Bảo vệ môi trường TNTN là trách nhiệm của toàn xã hội.

**e) Nội dung cơ bản của pháp luật về quốc phòng, an ninh.**

-Để tăng cường quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, Nhà nước đã ban hành những văn bản pháp luật như Luật Quốc phòng, Luật An ninh quốc gia, Luật Công an nhân dân, Luật Nghĩa vụ quân sự,...

-Nguyên tắc hoạt động quốc phòng và bảo vệ an ninh quốc gia:

+ Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tộc,

+ Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng và bảo vệ an ninh quốc gia,

+ Phối hợp có hiệu quả hoạt động quốc phòng, an ninh và đối ngoại,

+ Xây dựng nền quốc phòng toàn dân;...

*\*Ý nghĩa của pháp luật về quốc phòng và an ninh:*

Nghĩa vụ thiêng liêng và cao quý của công dân. Mọi công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc bảo vệ an ninh quốc gia.

**Ghi chú:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....